

Số: 268/KH-SLĐTBXH

Quảng Trị, ngày 18 tháng 02 năm 2020

KẾ HOẠCH
Kiểm tra các hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020

Căn cứ Công văn số 332/UBND-VX ngày 04/2/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại Công văn số 10862/VPCP-KGVX ngày 27/11/2019 về việc thực hiện Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

Căn cứ Công văn số 2469/TCGDNN-PCTT ngày 21/11/2019 của Tổng cục GDNN về việc tăng cường công tác thành tra, kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND tỉnh ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-SLĐTBXH ngày 02/01/2020 của Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2020;

Sở Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành kế hoạch kiểm tra tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Kiểm tra các điều kiện đảm bảo và tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các đơn vị có tham gia hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh, từ đó kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế và xử lý hành vi vi phạm (nếu có), đồng thời đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

2. Yêu cầu:

Công tác kiểm tra phải bám sát các văn bản hướng dẫn quy định các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động GDNN tại các đơn vị đào tạo.

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA:

Các Trường Trung cấp, Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có đăng ký tham gia hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh.

III. THÀNH PHẦN:

1. Thành phần Đoàn kiểm tra: (Có Quyết định thành lập đoàn riêng)

2. Thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra:

a. Đối với các Trường Trung cấp:

- Ban Giám hiệu nhà Trường.
- Đại diện lãnh đạo các Phòng, Ban của nhà Trường.

b. Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) các huyện, TX, TP:

- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm.
- Đại diện Lãnh đạo Phòng Lao động- TB&XH các huyện, TX, TP.
- Chuyên viên phụ trách công tác đào tạo nghề Phòng Lao động- TB&XH các huyện, TX, TP.
- Cán bộ các tổ, bộ môn liên quan đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT của Trung tâm.

c. Đối với các đơn vị có tham gia hoạt động GDNN:

- Đại diện Lãnh đạo cơ sở.
- Đại diện lãnh đạo và cán bộ phụ trách quản lý đào tạo nghề của đơn vị.

IV. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra toàn diện hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong năm 2019 (*Đề cương báo cáo chi tiết đính kèm*).

1. Khái quát tình hình hoạt động của đơn vị.
2. Tình hình tổ chức đào tạo.
3. Kết quả đạt được.
4. Những vướng mắc, khó khăn và giải pháp, kiến nghị, đề xuất.
5. Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020.

Đề nghị các đơn vị báo cáo theo nội dung trên và gửi về Sở Lao động-TB&XH trước ngày **16/3/2020** (*qua địa chỉ email: phongdaynghe@quangtri.gov.vn*)

III. Thời gian, địa điểm:

1. Thời gian kiểm tra: từ tháng 4 năm 2020 (sẽ có lịch kiểm tra cụ thể gửi đến các đơn vị).
2. Địa điểm: tại các đơn vị kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra các hoạt động Giáo dục nghề nghiệp năm 2020 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (b/c);
- Các trường Trung cấp trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP (biết chỉ đạo);
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, TX, TP;
- Các đơn vị có tham gia hoạt động GDNN;
- Phòng Lao động- TB&XH các huyện, TX, TP;
- Giám đốc, PGĐ Sở phụ trách (b/c);
- Lưu: VT, GDNN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SLĐTBXH ngày tháng 02 năm 2020 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội)

A. Đối với các Trường Trung cấp:

I. Khái quát tình hình hoạt động chung của Nhà trường: Cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (các ngành, nghề được cấp phép, quy mô tuyển sinh/năm); đội ngũ giáo viên (tổng số biên chế, số cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng năm 2019); trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo....

II. Tình hình tổ chức đào tạo: trên cơ sở bám sát các văn bản hướng dẫn về hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Chính phủ, Bộ Lao động- TB&XH (danh sách các văn bản đính kèm), các đơn vị thực hiện báo cáo.

1. Công tác đào tạo: Báo cáo cụ thể việc triển khai thực hiện công tác tuyển sinh và đào tạo (theo biểu 1, 2 đính kèm); xây dựng và ban hành chương trình đào tạo; Công tác giáo vụ; Công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp; Về đội ngũ nhà giáo phục vụ các lớp đào tạo (số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định, việc bố trí giáo viên/học sinh theo quy định; thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo cơ hữu); Điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị, dụng cụ đào tạo đáp ứng quy mô đào tạo của nhà trường (năm 2019), việc bố trí phòng học lý thuyết, thực hành đảm bảo diện tích chỗ ngồi/học sinh; Việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh (miễn giảm học phí, nội trú dân tộc...) theo các loại hình đào tạo:

- a. Tổ chức đào tạo chính quy tại trụ sở chính của nhà trường.
- b. Về liên kết đào tạo.
- c. Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956.

2. Về công tác tự kiểm định chất lượng

3. Việc xây dựng, ban hành các quy chế, quy định triển khai thực hiện Luật GDNN và hướng dẫn của Bộ Lao động- TBXH.

III. Kết quả đạt được: Đánh giá chung những kết quả đạt được theo các nội dung trên (về công tác đào tạo chính quy tại trường, công tác liên kết đào tạo, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, công tác tự kiểm định chất lượng.....vv).

IV. Những vướng mắc, khó khăn và giải pháp, kiến nghị, đề xuất

V. Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020

B. Đối với Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, TX, TP

I. Khái quát tình hình hoạt GDNN của Trung tâm: Cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (các ngành, nghề được cấp phép, quy mô tuyển sinh/năm); đội ngũ giáo viên (tổng số biên chế, số cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu, giáo viên thỉnh giảng năm 2019);

trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo....

II. Tình hình tổ chức đào tạo: trên cơ sở bám sát các văn bản hướng dẫn về hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Chính phủ, Bộ Lao động- TB&XH (danh sách các văn bản đính kèm), các đơn vị thực hiện báo cáo.

1. Về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956: số lớp, số người, địa điểm đào tạo (theo biểu 1 đính kèm); việc xây dựng và ban hành chương trình đào tạo; Công tác giáo vụ; Công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp; Về đội ngũ nhà giáo phục vụ các lớp đào tạo (số nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định); việc thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo cơ hữu...

2. Về liên kết đào tạo: Hình thức liên kết (phối hợp đào tạo hay đặt lớp liên kết), Số lớp liên kết, số học sinh liên kết, địa điểm đào tạo (theo biểu 2 đính kèm); Trang thiết bị, cơ sở vật chất (việc bố trí phòng học lý thiết, thành thực theo nội dung phối hợp liên kết đào tạo giữa các bên, việc tổ chức quản lý lớp học...).

3. Về công tác tự kiểm định chất lượng.

4. Việc xây dựng, ban hành các quy chế, quy định triển khai thực hiện Luật GDNN và hướng dẫn của Bộ Lao động- TB&XH.

5. Tình đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị giai đoạn 2018-2019 (*đối với các Trung tâm được hỗ trợ từ nguồn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*): Các hạng mục đầu tư sửa chữa, mua sắm và kinh phí thực hiện; đánh giá hiệu quả từ việc đầu tư, mua sắm.

III. Kết quả đạt được: Đánh giá chung những kết quả đạt được theo các nội dung trên (công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, công tác phối hợp liên kết đào tạo, công tác tự kiểm định chất lượng.....vv).

IV. Những vướng mắc, khó khăn và giải pháp, kiến nghị, đề xuất

V. Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020

C. Đối với các đơn vị có tham gia hoạt động GDNN:

1. Tình hình tổ chức đào tạo: Số lớp, số người, địa điểm đào tạo (theo biểu 1 đính kèm); việc xây dựng và ban hành chương trình đào tạo; việc tổ chức khai giảng, bế giảng các lớp đào tạo; Công tác giáo vụ (theo dõi quản lý, sổ sách, hồ sơ biểu mẫu phục vụ đào tạo); Công tác quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp; Về đội ngũ nhà giáo phục vụ các lớp đào tạo (số nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định); việc thực hiện chế độ chính sách đối với nhà giáo cơ hữu...

2. Kết quả đạt được: Đánh giá chung những kết quả đạt được theo các nội dung trên

3. Những vướng mắc, khó khăn và giải pháp, kiến nghị, đề xuất

4. Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020

KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số /SLĐTBXH- GDNN ngày / /2020 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội)

| TT | Ngành/nghề đào tạo | Tổng số | Trình độ Trung cấp <i>Trong đó:</i> | | Trình độ sơ cấp <i>(Bao gồm cả đào tạo nghề cho lao động nông thôn)</i> | Đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng <i>(Bao gồm cả đào tạo nghề cho lao động nông thôn)</i> | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------|--|-----------------------------------|--|--|---------|
| | | | Số học sinh đã tốt nghiệp THCS | Số học sinh đã tốt nghiệp THPT | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Nghề..... | | | | | | |
| 2 | Nghề..... | | | | | | |
| 3 | Nghề..... | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| | Tổng cộng: | | | | | | |

* **Ghi chú:** Các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị tham gia hoạt động GDNN chỉ tổng hợp số liệu theo các cột (2), (3), (6), (7)

BÁO CÁO THỐNG KÊ TÌNH HÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO*(Báo cáo các lớp liên kết hiện đang tổ chức đào tạo)**(Kèm theo Kế hoạch số /SLĐT BXH- GDNN ngày / /2020 của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội)*

| TT | Ngành/nghề đào tạo | Đơn vị liên kết (tên trường liên kết) | Số người | Số lớp | Trình độ đào tạo | Thời gian mở lớp | Dự kiến thời gian tốt nghiệp | Địa điểm đặt lớp (liên kết đào tạo) | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|--|-----------------|---------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------------|--|----------------|
| 1 | Lớp | | | | | | | | |
| 2 | Lớp..... | | | | | | | | |
| 3 | Lớp..... | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng: | | | | | | | | |

DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN VỀ HOẠT ĐỘNG GDNN CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ LAO ĐỘNG- TB&XH

I. Văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương

1. Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục công dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020- 2021.
2. Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.
3. Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.
4. Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.
5. Quyết định 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.
6. Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về quy định điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp.
7. Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
8. Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường cao đẳng.
9. Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường trung cấp.
10. Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.
11. Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng.
12. Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
13. Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
14. Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

15. Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

16. Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

17. Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

18. Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng.

19. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

20. Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

21. Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

22. Nghị định 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

23. Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh và xã hội ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc Ban hành chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

24. Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

25. Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/8/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng; Bảo vệ thực vật; Chế biến và bảo quản thủy sản; Quản trị mạng máy tính; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas.

26. Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

27. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

28. Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng.

29. Nghị định 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp.

30. Văn bản hợp nhất số 1310/VBHN-BLĐTBXH Ngày 05/4/2019 quy định về điều lệ trường trung cấp

31. Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTBXH Ngày 05/4/2019 quy định về điều lệ trường cao đẳng

32. Văn bản hợp nhất số 2090/VBHN-BLĐTBXH Ngày 29/5/2019 quy định về điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp

33. Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

34. Văn bản hợp nhất số 1312/VBHN-BLĐTBXH Ngày 05/4/2019 hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

35. Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành danh mục, mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

36. Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020.